

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê chuẩn kết quả Đại hội nhiệm kỳ X
của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012

Căn cứ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Theo ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1902/STP-BT&HCTP ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc phê chuẩn kết quả Đại hội nhiệm kỳ X của Đoàn Luật sư thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn kết quả Đại hội nhiệm kỳ X của Đoàn Luật sư thành phố với các nội dung sau:

1. Phê chuẩn kết quả bầu Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thành phố nhiệm kỳ X (2024-2029), gồm 05 luật sư có tên sau:

- Luật sư Đỗ Thanh Bình;
- Luật sư Lê Đức Bảy;
- Luật sư Đỗ Hoàng Dương;
- Luật sư Dương Văn Chính;
- Luật sư Nguyễn Thị Thùy.

2. Phê chuẩn kết quả bầu Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư thành phố nhiệm kỳ X (2024-2029), gồm 03 luật sư có tên sau:

- Luật sư Nguyễn Đăng Khoa;
- Luật sư Nguyễn Anh Vũ;
- Luật sư Hà Thị Thanh Bình.



3. Phê chuẩn Nội quy Đoàn Luật sư thành phố nhiệm kỳ X (2024-2029) được Đại hội thông qua ngày 21/6/2025 (kèm theo Quyết định này).

4. Phê chuẩn Nghị quyết Đại hội Đoàn Luật sư thành phố, nhiệm kỳ X (2024-2029) được Đại hội thông qua ngày 21/6/2025 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở: Tư pháp, Nội vụ; Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Ban Nội chính Thành ủy;
- Đảng ủy UBND thành phố;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- PCT.UBND TP Nguyễn Minh Hùng;
- Chánh Văn phòng UBND TP;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Các phòng: NC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, NC3. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Hùng

Số: 48 /NQ-ĐHLS

Hải Phòng, ngày 21 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI TOÀN THỂ LUẬT SƯ ĐOÀN LUẬT SƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA X NHIỆM KỲ 2024-2029

- Căn cứ Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Căn cứ Chương trình Đại hội toàn thể luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng khóa X nhiệm kỳ 2024-2029;
- Căn cứ kết quả Đại hội toàn thể luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng khóa X nhiệm kỳ 2024-2029 ngày 21 tháng 6 năm 2025

Được sự đồng ý của Thành ủy, UBND thành phố Hải Phòng, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng tổ chức Đại hội toàn thể luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng khóa X nhiệm kỳ 2024-2029 vào ngày 21/6/2025 tại Trung tâm Hội nghị thành phố Hải Phòng, số 18 Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Thành phần tham dự gồm Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Lãnh đạo Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Lãnh đạo Cục Bổ trợ tư pháp – Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Ban Nội chính Thành ủy, Sở Tư pháp và luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua các báo cáo, tỷ lệ biểu quyết thông qua 100%:

1. Thông qua toàn bộ Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2019-2024 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2024-2029 của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.
2. Thông qua Báo cáo tài chính nhiệm kỳ 2019-2024.
3. Thông qua Báo cáo công tác khen thưởng, kỷ luật của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật.

Điều 2: Thông qua Nội quy Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, tỷ lệ biểu quyết thông qua 100%.

Điều 3: Đại hội biểu quyết và thông qua kết quả bầu Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật khóa X nhiệm kỳ 2024-2029, Đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ IV, tỷ lệ biểu quyết thông qua 100%:



1. Thông qua danh sách Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 05 luật sư:

- Luật sư Đỗ Thanh Bình
- Luật sư Đỗ Hoàng Dương
- Luật sư Lê Đức Bầy
- Luật sư Dương Văn Chính
- Luật sư Nguyễn Thị Thùy

2. Thông qua danh sách Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 03 luật sư:

- Luật sư Nguyễn Đăng Khoa
- Luật sư Nguyễn Anh Vũ
- Luật sư Hà Thị Thanh Bình

3. Thông qua danh sách đại biểu đi dự Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ IV

- 01 Đại biểu đương nhiên: Luật sư Dương Văn Thành

- 04 Đại biểu chính thức gồm các luật sư :

- + Luật sư Đỗ Thanh Bình
- + Luật sư Đỗ Hoàng dương
- + Luật sư Lê Đức Bầy
- + Luật sư Dương Văn Chính

- 03 đại biểu dự khuyết gồm các luật sư:

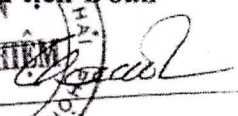
- + Luật sư Nguyễn Thị Thùy
- + Luật sư Nguyễn Đăng Khoa
- + Luật sư Nguyễn Anh Vũ

Điều 4: Đại hội biểu quyết và thông qua Nghị quyết Đại hội.

Điều 5: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật, Ban tài chính trên cơ sở ý kiến đóng góp của Đại hội hoàn thiện các báo cáo tại Đại hội và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng;
- Đảng ủy UBND TP Hải Phòng;
- Liên đoàn LSVN (để b/c);
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp.

TM.ĐOÀN CHỦ TỊCH
Chủ tịch Đoàn
BAN CHỦ NHIỆM

Luật sư Dương Văn Thành

NỘI QUY

ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*(Được thông qua tại Nghị quyết số 47/NQ-ĐHLS ngày 21 tháng 6 năm 2025
của Đại hội toàn thể luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng)*

LỜI NÓI ĐẦU

Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng được thành lập ngày 16/12/1989 theo Quyết định số 1510/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng là tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư. Có chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ luật sư, giám sát việc tuân theo pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. Thực hiện chế độ tự quản theo quy định của Luật Luật sư trên địa bàn thành phố Hải Phòng; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng là thành viên Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng có nhiệm vụ, quyền hạn, được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam và Nội quy này.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này điều chỉnh quan hệ nội bộ, quy định chi tiết những vấn đề thuộc nội bộ Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

2. Những nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng không được quy định tại Nội quy này thì thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nội quy này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Liên đoàn* là từ viết tắt của Liên đoàn luật sư Việt Nam.
2. *Đoàn Luật sư* là từ viết tắt của Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng.
3. *Văn phòng Đoàn Luật sư* là nơi đặt trụ sở của Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng và có nhân viên văn phòng được tuyển dụng theo Bộ luật lao động để thực hiện các công việc chung của Đoàn luật sư.
4. *Đại hội luật sư* là Đại hội luật sư của Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng được tổ chức theo hình thức Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và Điều 11 của Nội quy này.
5. *Hội nghị luật sư* là Hội nghị luật sư hàng năm của Đoàn luật sư được tổ chức theo hình thức Hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và Điều 12 của Nội quy này.
6. *Luật sư thành viên* là người có Chứng chỉ hành nghề luật sư, có đủ điều kiện theo quy định của Luật Luật sư, nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư, được gia nhập Đoàn luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm và được Liên đoàn cấp Thẻ luật sư.
7. *Người tập sự hành nghề luật sư* (gọi tắt là *người tập sự*) là người có đủ điều kiện theo quy định của Luật Luật sư, được một tổ chức hành nghề luật sư có trụ sở tại thành phố Hải Phòng nhận tập sự và phân công Luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự, nộp hồ sơ đăng ký tập sự cho Đoàn Luật sư và được đăng ký tập sự theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.
8. *Điều lệ Liên đoàn* là Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam được Đại hội Đại biểu Luật sư toàn quốc thông qua và được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.
9. *Quy tắc Đạo đức và Ứng xử* là từ viết tắt của Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, được Hội đồng Luật sư toàn quốc thông qua và có hiệu lực tại thời điểm áp dụng.
10. *Luật Luật sư* là Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.
11. *Tổ chức hành nghề luật sư* là Văn phòng luật sư, Công ty luật đã được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

12. *Email* là hòm thư điện tử do Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư thành viên đăng ký với Đoàn Luật sư.

Điều 3. Thông tin giao dịch

1. Tên gọi đầy đủ của Đoàn Luật sư là “**Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng**”.

2. Tên giao dịch quốc tế của Đoàn Luật sư là “**Hai Phong Bar Association**”, viết tắt là “**HPBA**”.

3. Trụ sở của Đoàn Luật sư đặt tại: Số 104 đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

4. Điện thoại: 0225.3746.810

5. Email: dlshaiphong@yahoo.com.vn

Website:.....

CHƯƠNG II

LUẬT SƯ THÀNH VIÊN, NGƯỜI TẬP SỰ,

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Mục 1. LUẬT SƯ THÀNH VIÊN

Điều 4. Tư cách Luật sư thành viên Đoàn Luật sư

1. Tư cách Luật sư thành viên Đoàn Luật sư được công nhận kể từ ngày có quyết định của Ban Chủ nhiệm về việc gia nhập Đoàn Luật sư; chấm dứt khi có quyết định của Ban Chủ nhiệm về việc xóa tên trong danh sách Luật sư thành viên Đoàn Luật sư.

2. Ban chủ nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định việc gia nhập, xóa tên khỏi danh sách Luật sư thành viên theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

3. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử, Luật sư thành viên Đoàn Luật sư có các quyền và nghĩa vụ đối với Đoàn Luật sư theo quy định tại Nội quy này.

Điều 5. Danh sách Luật sư thành viên

Luật sư thành viên Đoàn Luật sư được ghi tên vào danh sách Luật sư thành viên của Đoàn Luật sư. Ban Chủ nhiệm quy định về hình thức, nội dung danh sách Luật sư thành viên Đoàn Luật sư. Danh sách Luật sư thành viên được

lập, lưu trữ tại Văn phòng Đoàn Luật sư và công bố trên cổng thông tin điện tử của Đoàn Luật sư.

Điều 6. Quan hệ của Đoàn Luật sư với Luật sư thành viên

1. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Luật sư:

- a) Đoàn luật sư đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các Luật sư thành viên;
- b) Bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của các Luật sư thành viên;
- c) Thực hiện chính sách đối với các Luật sư thành viên;
- d) Thông tin kịp thời đến các Luật sư thành viên về các hoạt động của Đoàn Luật sư và các vấn đề liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư.

2. Quyền và nghĩa vụ của Luật sư thành viên:

- a) Nộp phí thành viên đầy đủ, đúng hạn;
- b) Tham gia các hoạt động do Đoàn luật sư tổ chức;
- c) Cung cấp, cập nhật các thông tin về địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại, hộp thư điện tử của luật sư, tên và địa chỉ trụ sở tổ chức hành nghề luật sư, cơ quan hoặc tổ chức nơi làm việc của luật sư cho Đoàn Luật sư ; chịu trách nhiệm về các thông tin do mình cung cấp; bảo đảm sự liên lạc thường xuyên với Văn phòng Đoàn Luật sư;
- d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

3. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

Khi hành nghề với tư cách cá nhân, Luật sư phải chấp hành đầy đủ theo quy định tại các Điều 49, 50, 51 và Điều 53 của Luật Luật sư.

Điều 7. Phương thức hỗ trợ và bảo vệ quyền hành nghề của Luật sư thành viên

1. Ban chủ nhiệm có trách nhiệm hỗ trợ và bảo vệ quyền hành nghề của Luật sư thành viên:

- a) Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng hành nghề, kiến thức pháp lý và kiến thức các lĩnh vực liên quan đến hoạt động hành nghề;
- b) Cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản về pháp luật, kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác do Văn phòng Đoàn lưu trữ;

c) Tổ chức việc trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, hội thảo, liên kết và hợp tác giữa các Luật sư thành viên và giữa Luật sư thành viên với các tổ chức, cá nhân khác;

d) Hợp tác quốc tế của Đoàn luật sư và Luật sư thành viên với các tổ chức, cá nhân đối tác và đồng nghiệp nước ngoài;

đ) Giới thiệu và quảng bá hoạt động nghề nghiệp của Luật sư thành viên;

e) Tổ chức các hoạt động cộng đồng và sinh hoạt văn hóa, tinh thần, thể thao và giải trí cho Luật sư thành viên;

g) Các hoạt động khác theo nhu cầu thực tế do Ban chủ nhiệm quyết định.

2. Ban chủ nhiệm thông qua Ban Bảo vệ quyền lợi của Luật sư tiếp nhận các yêu cầu hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi của Luật sư thành viên. Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm có thể chủ động thực hiện việc bảo vệ quyền lợi của Luật sư thành viên.

3. Trường hợp Luật sư thành viên bị tổ chức, cá nhân cản trở việc thực hiện quyền hành nghề, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và tính mạng khi hành nghề, Luật sư thành viên có quyền thông báo hoặc thông qua người đại diện gửi văn bản về Tổ chức hành nghề luật sư, Đoàn luật sư để yêu cầu hỗ trợ, bảo vệ. Chậm nhất trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin, Văn phòng Đoàn phải chuyển yêu cầu hỗ trợ, bảo vệ tới Ban bảo vệ quyền lợi của Luật sư để xử lý và thực hiện biện pháp hỗ trợ, bảo vệ. Chậm nhất trong vòng bốn mươi tám (48) giờ sau đó, Ban Bảo vệ quyền lợi của Luật sư có nghĩa vụ phản hồi cho Luật sư thành viên có yêu cầu. Đồng thời, phải báo cáo Ban Chủ nhiệm về biện pháp, định hướng xử lý yêu cầu hỗ trợ, bảo vệ trước khi thực hiện.

Trong quá trình xử lý, Ban Bảo vệ quyền lợi của Luật sư phải báo cáo Ban Chủ nhiệm về tiến độ và kết quả giải quyết vụ việc.

Mục 2. NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 8. Tư cách người tập sự của Đoàn Luật sư

1. Tư cách người tập sự của Đoàn Luật sư được công nhận kể từ ngày Ban Chủ nhiệm ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề luật sư cho đến khi hoàn thành thời gian tập sự theo quy định được Ban Chủ nhiệm xác nhận hoàn thành thời gian tập sự, trừ trường hợp chấm dứt tập sự hoặc rút tên, bị xóa tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định về việc đăng ký tập sự, đăng ký thay đổi tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, thay đổi luật sư hướng dẫn, xác nhận hoàn thành thời gian tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự và rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về luật sư, hướng dẫn của Liên đoàn và Nội quy này.

3. Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về luật sư, hướng dẫn của Liên đoàn và Nội quy này.

4. Người tập sự phải xác định rõ danh xưng của mình là người tập sự hành nghề luật sư; không được sử dụng danh xưng luật sư hoặc có hành vi gây nhầm lẫn người tập sự có tư cách luật sư trong quan hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức khi thực hiện các công việc có liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư.

Điều 9. Danh sách người tập sự

1. Khi có người đăng ký tập sự, trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư cấp giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự và ghi tên người tập sự hành nghề luật sư vào danh sách người tập sự của Đoàn luật sư.

2. Người tập sự có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Đoàn Luật sư thông tin hoặc việc thay đổi thông tin về địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử của người tập sự trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi có thông tin hoặc thay đổi thông tin để Đoàn Luật sư cập nhật vào danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư.

Mục 3. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 10. Quan hệ của Đoàn Luật sư với tổ chức hành nghề luật sư

1. Đoàn Luật sư phối hợp với các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện tốt chế độ tự quản của Đoàn Luật sư và tổ chức hành nghề luật sư đối với luật sư, hoạt động hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn và Quy tắc Đạo đức và Ứng xử.

2. Đoàn Luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư tham gia tổ tụng do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu. Trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, tổ chức hành nghề luật sư phải cử Luật sư tham gia tổ tụng và gửi quyết định phân công Luật sư về Văn phòng Đoàn.

3. Đoàn Luật sư thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Luật sư đối với các tổ chức hành nghề theo quy định về luật sư, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

4. Các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật về luật sư.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Mục 1. ĐẠI HỘI LUẬT SƯ

Điều 11. Đại hội luật sư

1. Ban Chủ nhiệm quyết định về thủ tục đăng ký, lập danh sách và triệu tập luật sư là đại biểu tham dự Đại hội luật sư.

2. Chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày tổ chức Đại hội luật sư, Ban Chủ nhiệm gửi thông báo triệu tập đến các Luật sư thành viên. Chương trình và tài liệu Đại hội luật sư có thể được gửi kèm theo thông báo triệu tập.

3. Luật sư thành viên được triệu tập có trách nhiệm tham dự Đại hội.

4. Thể thức Đại hội, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội được thực hiện theo quy định của Điều 19 Điều lệ Liên đoàn.

Điều 12. Hội nghị luật sư

1. Hội nghị luật sư được tổ chức theo hình thức Hội nghị toàn thể hoặc đại biểu, do Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư quyết định. Nhưng khi số lượng luật sư của Đoàn Luật sư dưới 300 luật sư thì phải tổ chức hội nghị toàn thể.

2. Hội nghị luật sư được tổ chức chậm nhất trong vòng 04 (bốn) tháng đầu của năm tiếp theo. Nếu vì lý do khách quan, thời gian tổ chức Hội nghị luật sư có thể được gia hạn theo quyết định của Ban Chủ nhiệm, nhưng không muộn hơn 06 (sáu) tháng đầu của năm tiếp theo.

3. Chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày tổ chức Hội nghị luật sư, Ban Chủ nhiệm gửi thông báo triệu tập đến các Luật sư thành viên. Chương trình và tài liệu Hội nghị luật sư có thể được gửi kèm theo thông báo triệu tập.

4. Luật sư thành viên được triệu tập có trách nhiệm tham dự Hội nghị luật sư. Trong trường hợp không tham dự thì phải có lý do chính đáng và phải thông báo bằng văn bản cho Đoàn Luật sư chậm nhất một (01) ngày trước ngày tổ chức Hội nghị luật sư.

Mục 2. BAN CHỦ NHIỆM

Điều 13. Cơ cấu thành viên của Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm có không quá bảy (07) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban Chủ nhiệm do Đại hội luật sư quyết định.

2. Thành viên Ban Chủ nhiệm gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên.

Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư bầu trong số thành viên Ban Chủ nhiệm.

3. Số lượng Phó Chủ nhiệm không quá một phần hai (1/2) số lượng thành viên Ban Chủ nhiệm. Số lượng cụ thể Phó Chủ nhiệm do Ban Chủ nhiệm quyết định căn cứ nhu cầu thực tế của Đoàn Luật sư.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

2. Ban Chủ nhiệm hoạt động theo sự phân công và điều hành của Chủ nhiệm. Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm.

3. Thành viên Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm sau đây:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chủ nhiệm;

a) Tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm;

b) Gương mẫu chấp hành và thực hiện các nghị quyết của Đại hội luật sư, Hội nghị luật sư, nghị quyết, quyết định của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

c) Hoàn thành tốt những nhiệm vụ, công việc do Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm phân công.

4. Thành viên Ban Chủ nhiệm bình đẳng trong thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm; chịu trách nhiệm về ý kiến và biểu quyết của mình; có quyền bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với quyết định của Ban Chủ nhiệm, nhưng phải chấp hành quyết định của Ban Chủ nhiệm; không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại đến lợi ích của Đoàn Luật sư.

5. Thành viên Ban Chủ nhiệm vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử hoặc Nội quy này thì tùy theo mức độ có thể bị Ban Chủ nhiệm nhắc nhở bằng văn bản hoặc bãi nhiệm hoặc tạm đình chỉ tư cách thành

viên Ban Chủ nhiệm theo quy định tại Điều 30 của Nội quy này, bị bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 7 Điều 23 của Điều lệ Liên đoàn.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm

1. Chủ nhiệm phân công, điều hành hoạt động của Ban Chủ nhiệm và chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên của Đoàn Luật sư trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

2. Chủ nhiệm là đại diện theo pháp luật của Đoàn Luật sư và là chủ tài khoản của Đoàn Luật sư.

3. Chủ nhiệm trực tiếp phụ trách hoặc phân công Phó Chủ nhiệm phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác, hoặc các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư; phân công, bổ nhiệm thành viên khác của Ban Chủ nhiệm, cá nhân khác điều hành, tham gia các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư.

4. Chủ nhiệm trực tiếp chủ trì giải quyết hoặc phân công thành viên khác của Ban Chủ nhiệm, các cơ quan, đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư, phối hợp giải quyết các công việc của Đoàn Luật sư.

5. Chủ nhiệm chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm; cùng các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban Chủ nhiệm trước Đại hội luật sư và trước pháp luật.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Liên đoàn và do Đại hội luật sư giao.

7. Trong trường hợp Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tạm thời không thực hiện được nhiệm vụ, quyền hạn của mình vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác thì Ban Chủ nhiệm cử một Phó Chủ nhiệm tạm thời thay thế Chủ nhiệm điều hành hoạt động của Ban Chủ nhiệm.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ban Chủ nhiệm

1. Phó Chủ nhiệm giúp Chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm phân công.

2. Ủy viên Ban Chủ nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm phân công.

3. Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công; cùng các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban Chủ nhiệm trước Đại hội luật sư và trước pháp luật.

Điều 17. Hình thức hoạt động của Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm quy định rõ trách nhiệm của mỗi cá nhân thành viên Ban Chủ nhiệm trong nhiệm vụ được phân công. Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi thành viên, Ban Chủ nhiệm đánh giá, tổng kết, thực hiện chế độ báo cáo trước Ban Chủ nhiệm, Hội nghị tổng kết thường niên, Đại hội toàn thể luật sư theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Nội quy Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

2. Đảm bảo đúng thủ tục, công khai, minh bạch, hiện đại hóa của Ban Chủ nhiệm, xây dựng bộ máy giúp việc thống nhất, hoạt động hiệu quả đáp ứng kịp thời điều hành của Ban Chủ nhiệm.

3. Thành viên Ban Chủ nhiệm làm việc theo nguyên tắc:

a, Thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Ban Chủ nhiệm đã được trên 1/2 tổng số thành viên Ban Chủ nhiệm nhất trí thông qua;

b, Mỗi thành viên Ban Chủ nhiệm phải đăng ký với Chủ nhiệm 01 địa chỉ thư điện tử (**email, zalo cố định**) để nhận, gửi thông tin tài liệu, nhận thông báo triệu tập họp, trao đổi ý kiến và giải quyết công việc trong Ban Chủ nhiệm;

c, Tham dự đầy đủ các phiên họp Ban Chủ nhiệm, thảo luận, biểu quyết tại phiên họp Ban Chủ nhiệm, trả lời đúng thời hạn, đầy đủ và nêu rõ ý kiến khi có yêu cầu lấy ý kiến qua thư điện tử. Trường hợp vì lý do khách quan không đến họp Ban Chủ nhiệm phải thông báo cho Ban Chủ nhiệm hoặc thông báo cho Văn phòng Đoàn biết trước khi khai mạc phiên họp và được thư ký phiên họp thông báo ngay nội dung diễn biến phiên họp để kịp thời cho ý kiến qua hộp thư điện tử hoặc bằng hình thức trả lời phù hợp khác;

d, Thành viên Ban Chủ nhiệm được hưởng chế độ phụ cấp theo Quy chế tài chính của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

Điều 18. Cuộc họp Ban Chủ nhiệm

1. Chủ nhiệm quyết định cụ thể thời gian, chương trình, nội dung cuộc họp Ban Chủ nhiệm. Các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm có thể đề xuất bổ sung, điều chỉnh chương trình, nội dung cuộc họp và việc bổ sung, điều chỉnh được thực hiện theo quyết định của Ban Chủ nhiệm hoặc Chủ nhiệm.

Chủ nhiệm triệu tập cuộc họp bất thường khi có công việc quan trọng phát sinh hoặc có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Ban Chủ nhiệm họp bất thường đề giải quyết công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Ban Chủ nhiệm. Trường hợp quá 02 ngày sau khi nhận được đề xuất Chủ nhiệm bận hoặc vì lý do khác mà không triệu tập phiên họp thì 01 phó Chủ nhiệm bất kỳ có quyền triệu tập và chủ trì họp, ký ban hành nghị quyết Ban Chủ nhiệm. Ban Chủ nhiệm thông qua các vấn đề bằng hình thức sau:

a, Thảo luận và quyết nghị tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm, có thể họp trực tuyến khi cần thiết;

b, Lấy ý kiến các thành viên Ban Chủ nhiệm qua hộp thư điện tử.

2. Chủ nhiệm làm chủ tọa cuộc họp Ban Chủ nhiệm. Khi Chủ nhiệm vắng mặt, Chủ nhiệm sẽ phân công một Phó Chủ nhiệm làm chủ tọa cuộc họp. Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm theo phân công của Chủ nhiệm chủ trì việc thảo luận từng nội dung tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm.

3. Ban Chủ nhiệm có thể họp mở rộng với sự tham gia của người không phải là thành viên Ban Chủ nhiệm nhưng có liên quan đến công việc mà Ban Chủ nhiệm giải quyết. Chủ nhiệm quyết định thành phần mở rộng cụ thể của cuộc họp Ban Chủ nhiệm mở rộng. Người không phải là thành viên Ban Chủ nhiệm tham gia cuộc họp Ban Chủ nhiệm mở rộng không có quyền biểu quyết.

4. Các cuộc họp Ban Chủ nhiệm phải được ghi biên bản. Biên bản phải ghi đầy đủ diễn biến của cuộc họp, nội dung các ý kiến phát biểu, ý kiến kết luận của chủ tọa cuộc họp hoặc kết quả biểu quyết. Biên bản phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, quyết định, biên bản và các tài liệu có liên quan của mỗi cuộc họp Ban Chủ nhiệm phải được lưu trữ tại trụ sở Đoàn Luật sư.

Điều 19. Biểu quyết tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm quyết định các vấn đề tại cuộc họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ban Chủ nhiệm có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, Ban Chủ nhiệm quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

a, Biểu quyết công khai;

b, Bỏ phiếu kín.

Điều 20. Biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến

1. Trừ trường hợp có quy định khác, đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm quyết định việc biểu quyết của thành viên Ban Chủ nhiệm bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến qua đường bưu chính hoặc thư điện tử.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, quyết định của Ban Chủ nhiệm theo hình thức gửi phiếu ghi ý kiến được thông qua khi có biểu quyết tán thành của trên một phần hai ($1/2$) số thành viên Ban Chủ nhiệm gửi phiếu ghi ý kiến hợp lệ, với điều kiện số thành viên Ban Chủ nhiệm gửi phiếu ghi ý kiến hợp lệ chiếm ít nhất hai phần ba ($2/3$) tổng số thành viên Ban Chủ nhiệm.

3. Chủ nhiệm thông báo kết quả biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm gần nhất.

Điều 21. Trục Ban Chủ nhiệm

1. Căn cứ lịch trục đã phân công, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, thành viên Ban Chủ nhiệm thực hiện các công việc tại phiên trục của mình theo đúng Nội quy, Quy chế, Quy định của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng;

2. Trường hợp bận không thể trục đúng lịch, thành viên trục phải chủ động đề nghị các thành viên khác trục thay để đảm bảo công việc của Ban Chủ nhiệm.

Điều 22. Mối quan hệ giữa Ban Chủ nhiệm với Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và các cơ quan giúp việc cho Ban Chủ nhiệm

1. Văn Phòng Đoàn luật sư và các ban chuyên trách (nếu có) có trách nhiệm giúp việc, tham mưu cho Ban Chủ nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật; Văn phòng Đoàn Luật sư và các trưởng ban chuyên trách chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết mọi công việc đúng trình tự và nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, các

Quy chế của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Nội quy Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

3. Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật; trưởng các Ban chuyên trách, Văn phòng Đoàn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban, đơn vị mình trình Ban Chủ nhiệm phê duyệt, tổ chức, triển khai thực hiện các kế hoạch được phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Ban Chủ nhiệm về hoạt động của mình.

4. Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm chỉ đạo, điều phối, tạo điều kiện tốt nhất để Hội đồng khen thưởng, kỷ luật; các Ban chuyên trách và Văn phòng Đoàn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ.

5. Các thành viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và Ban chuyên trách, Văn phòng Đoàn được hưởng thù lao theo Quy chế tài chính của Đoàn Luật sư.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Ban Chủ nhiệm với các tổ chức chính trị xã hội, Đoàn thể trong Đoàn Luật sư

Ban Chủ nhiệm tạo điều kiện, hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị xã hội, Đoàn thể trong hoạt động, phạm vi nội bộ của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

Trong một số công việc cần thiết và/hoặc theo đề xuất của tổ chức chính trị xã hội, Đoàn thể trong Đoàn, Ban Chủ nhiệm sẽ xem xét họp và mời đại diện của các đơn vị này tham dự để giải quyết các vấn đề có liên quan

Mục 3. HỘI ĐỒNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Cơ cấu thành viên của Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật

1. Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật (gọi tắt là *Hội đồng KTKL*) có không quá năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng KTKL do Đại hội luật sư quyết định.

2. Thành viên Hội đồng KTKL gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

3. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng KTKL không quá một phần hai (1/2) số lượng thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng KTKL bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng KTKL theo giới thiệu của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tại cuộc họp của Hội đồng KTKL do Chủ nhiệm chủ trì. Thủ tục bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch

Hội đồng KTKL được áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Điều lệ Liên đoàn.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng KTKL

1. Hội đồng KTKL giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

2. Hội đồng KTKL có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 của Điều lệ Liên đoàn;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Đoàn Luật sư theo định kỳ hàng năm trình Ban Chủ nhiệm phê duyệt; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt theo phân công của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

c) Đề xuất chủ trương, chủ trì soạn thảo và trình Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm dự thảo các văn bản quy định, hướng dẫn, tổ chức thực hiện về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

d) Đề xuất chủ trương, chủ trì soạn thảo và trình Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm dự thảo các văn bản đề xuất, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Liên đoàn về việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định và hướng dẫn của Liên đoàn về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

đ) Trình Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm dự thảo các quyết định và văn bản hành chính khác về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tiến độ giải quyết công việc, tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao với Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

g) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng KTKL;

h) Thực hiện công việc khác do Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm giao theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng KTKL.

3. Chủ tịch Hội đồng KTKL điều hành hoạt động của Hội đồng KTKL; phân công nhiệm vụ, công việc cụ thể cho các thành viên khác của Hội đồng

KTKL thực hiện; trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể của Hội đồng KTKL; chịu trách nhiệm trước Ban chủ nhiệm và Đoàn luật sư về mọi hoạt động của Hội đồng KTKL, có nhiệm vụ báo cáo về kết quả công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại theo sự phân công của Ban chủ nhiệm; thay mặt Hội đồng KTKL trực tiếp làm việc với Ban chủ nhiệm, với Văn phòng Đoàn luật sư để điều hành công việc và xử lý những công việc theo thẩm quyền. Việc phân công giải quyết công việc cho Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên Hội đồng KTKL phải đảm bảo công bằng và hợp lý để mỗi thành viên có thể phát huy tốt nhất năng lực và sở trường nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

1. Phó Chủ tịch Hội đồng KTKL giúp Chủ tịch Hội đồng KTKL điều hành hoạt động của Hội đồng KTKL; thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được Hội đồng KTKL, Chủ tịch Hội đồng KTKL phân công.

2. Ủy viên Hội đồng KTKL thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được Hội đồng KTKL, Chủ tịch Hội đồng KTKL phân công.

3. Các thành viên Hội đồng KTKL chịu trách nhiệm tập thể trước Đại hội luật sư, trước Ban Chủ nhiệm và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng KTKL; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng KTKL về nhiệm vụ, công việc cụ thể được phân công.

4. Thành viên Hội đồng KTKL có trách nhiệm sau đây:

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng KTKL;

b) Tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng KTKL;

c) Gương mẫu chấp hành và thực hiện các nghị quyết của Đại hội luật sư, Hội nghị luật sư, nghị quyết, quyết định của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng KTKL;

d) Hoàn thành tốt những nhiệm vụ, công việc do Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng KTKL, Chủ tịch Hội đồng KTKL phân công.

5. Thành viên Hội đồng KTKL bình đẳng trong thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng KTKL; chịu trách nhiệm về ý kiến và biểu quyết của mình; có quyền bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng KTKL, nhưng phải chấp hành quyết định của Hội đồng KTKL.

6. Thành viên Hội đồng KTKL vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn hoặc Nội quy này thì tùy theo mức độ có thể bị Ban Chủ nhiệm nhắc nhở bằng

văn bản hoặc tạm đình chỉ tư cách thành viên Hội đồng KTKL theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 của Nội quy này, bị bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 của Điều lệ Liên đoàn.

Điều 26. Hình thức giải quyết công việc của Hội đồng KTKL

1. Tùy theo tính chất, các công việc của Hội đồng KTKL được thực hiện thông qua thảo luận, biểu quyết tập thể Hội đồng KTKL, hoặc được phân công cho thành viên Hội đồng KTKL phụ trách giải quyết, xử lý.

2. Hội đồng KTKL thảo luận, biểu quyết tập thể đối với các vấn đề sau:

a) Xem xét, kết luận và đề xuất khen thưởng;

b) Xem xét, kết luận và đề xuất xử lý kỷ luật;

c) Các vấn đề khác mà theo quy định phải do tập thể Hội đồng KTKL thảo luận, biểu quyết.

3. Đối với các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều này, trừ trường hợp có quy định phải được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp, phiên họp Hội đồng KTKL, Chủ tịch Hội đồng KTKL quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng KTKL hoặc áp dụng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến qua đường bưu chính hoặc thư điện tử để biểu quyết thông qua nếu do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng KTKL. Thê thức biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến áp dụng theo quy định tại Điều 20 của Nội quy này.

4. Đối với các vấn đề không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng KTKL trực tiếp phụ trách hoặc phân công cho thành viên khác của Hội đồng KTKL phụ trách giải quyết, xử lý. Thành viên của Hội đồng KTKL được phân công có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ, kết quả công việc cho Chủ tịch Hội đồng KTKL. Chủ tịch Hội đồng KTKL có thể tham khảo ý kiến các thành viên khác của Hội đồng KTKL tại cuộc họp Hội đồng KTKL hoặc bằng văn bản qua đường bưu chính hoặc thư điện tử.

Mục 4. VĂN PHÒNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 27. Văn phòng Đoàn Luật sư

1. Văn phòng Đoàn Luật sư có chức năng tham mưu tổng hợp, giúp Ban Chủ nhiệm thực hiện các công tác sau đây:

a) Công tác hành chính, văn thư, thống kê, lưu trữ;

- b) Công tác thông tin về hoạt động của Đoàn Luật sư;
- c) Công tác quản trị nhân sự đối với nhân sự làm việc tại Văn phòng theo chế độ hợp đồng lao động;
- d) Công tác kế toán, tài chính;
- đ) Công tác quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Đoàn Luật sư;
- e) Công tác đảm bảo cơ sở vật chất, hậu cần và các điều kiện khác phục vụ cho tổ chức và hoạt động của các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư;
- g) Công tác phối hợp hoạt động với các cơ quan, đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư;
- h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm.

2. Văn phòng Đoàn Luật sư có Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng và nhân viên phụ trách các công việc cụ thể do Ban Chủ nhiệm quyết định và tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động.

Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm báo cáo Chủ nhiệm về toàn bộ các hoạt động của Văn phòng Đoàn Luật sư, báo cáo các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ban Chủ nhiệm về các hoạt động cụ thể liên quan đến các đơn vị chuyên môn do Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ban Chủ nhiệm phụ trách.

Điều 28. Các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư

1. Ban chủ nhiệm quyết định thành lập các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư theo nhu cầu, tình hình thực tế hoạt động của Đoàn Luật sư.
2. Các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư gồm có:
 - a) Ban Đào tạo, bồi dưỡng;
 - b) Ban Giám sát, hỗ trợ luật sư;
 - c) Ban Xây dựng pháp luật và trợ giúp pháp lý;
 - d) Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật;
 - đ) Ban Quan hệ quốc tế;
 - e) Ban Kinh tế, tài chính.
3. Đơn vị chuyên môn có Trưởng ban, Phó trưởng ban và các thành viên.
4. Ban Chủ nhiệm quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị chuyên môn.

Điều 29. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Văn phòng Đoàn Luật sư và các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư

1. Văn phòng Đoàn Luật sư, các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư hoạt động và giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn, Nội quy này, các quy chế, quy định và hướng dẫn có liên quan do Ban Chủ nhiệm ban hành và theo sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực liên quan.

2. Quy trình, thủ tục giải quyết công việc trong nội bộ Văn phòng Đoàn Luật sư, các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư được thực hiện theo các quy chế, quy định và hướng dẫn có liên quan do Ban Chủ nhiệm ban hành.

**Mục 5. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, TẠM ĐÌNH CHỈ
CÁC CHỨC DANH ĐƯỢC BẦU, ĐƯỢC BỔ NHIỆM
CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ**

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Cá nhân được bổ nhiệm giữ các chức danh, tham gia các đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản 6 Điều 23 và Điểm a, b Khoản 7 Điều 23 của Điều lệ Liên đoàn;

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điểm c, d Khoản 3 và Khoản 4 Điều này do cơ quan và người thẩm quyền bổ nhiệm quyết định, trừ các trường hợp đương nhiên được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm.

3. Việc xử lý đối với cá nhân được bổ nhiệm nhưng làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 31. Tạm đình chỉ tư cách thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng KTKL

Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội luật sư, việc tạm đình chỉ tư cách thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng KTKL đối với luật sư thành viên thực hiện theo quy định tại các Khoản 5 và Khoản 7 Điều 23, Khoản 5 Điều 24 của Điều lệ Liên đoàn. Tuy nhiên quy định này không áp dụng đối với trường hợp tạm đình chỉ tư cách Chủ nhiệm theo quy định tại Khoản 8 Điều 23 của Điều lệ Liên đoàn.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ BAN HÀNH VĂN BẢN, THÔNG TIN CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 32. Ban hành văn bản của Đoàn Luật sư

1. Văn bản của Đoàn Luật sư gồm có:

- a) Nghị quyết và các văn bản khác của Đại hội luật sư;
- b) Nghị quyết và các văn bản khác của Hội nghị luật sư;
- c) Nghị quyết của Ban Chủ nhiệm;

d) Quyết định, quy chế, quy định, thông báo, hướng dẫn, kế hoạch, phương án, đề án, báo cáo, biên bản, tờ trình, công văn, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận nguyên tắc, hợp đồng, giấy chứng nhận, giấy ủy quyền, thông báo triệu tập, thư mời, giấy giới thiệu, giấy biên nhận hồ sơ, phiếu gửi, phiếu chuyển và các văn bản khác của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

e) Nghị quyết, quyết định, biên bản của Hội đồng KTKL được ban hành để thực hiện thẩm quyền riêng về tổ chức của Hội đồng KTKL theo quy định tại Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này; thông báo, giấy triệu tập, giấy mời, biên bản, tờ trình và các văn bản khác của Hội đồng KTKL thuộc trình tự, thủ tục khen thưởng, kỷ luật được quy định tại Điều lệ Liên đoàn, Nội quy này và các quy chế, quy định khen thưởng, kỷ luật có liên quan của Liên đoàn và Đoàn luật sư.

2. Các văn bản của Đoàn Luật sư có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị chuyên môn nào thì các cơ quan, đơn vị chuyên môn đó có nhiệm vụ soạn thảo. Đối với những văn bản mà nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hai hay nhiều cơ quan, đơn vị thì Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách điều phối để các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp soạn thảo, nếu cần thiết thì lập tổ soạn thảo. Đối với những văn bản quan trọng thì Chủ nhiệm quyết định thành lập Ban soạn thảo do Chủ nhiệm hoặc một Phó Chủ nhiệm làm Trưởng ban.

3. Việc ký ban hành các văn bản của Đoàn Luật sư thực hiện như sau:

a) Người được bầu làm Chủ tịch Đại hội luật sư thay mặt Đại hội luật sư ký các văn bản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Chủ nhiệm thay mặt Hội nghị luật sư ký các văn bản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Chủ nhiệm thay mặt Ban Chủ nhiệm ký ban hành các văn bản quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này, các văn bản quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều

này về những vấn đề quan trọng mà theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này phải được Ban Chủ nhiệm thảo luận và biểu quyết tập thể; ký ban hành các văn bản khác quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

d) Phó Chủ nhiệm ký thay Chủ nhiệm đối với các văn bản quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này khi được Chủ nhiệm ủy quyền;

đ) Chủ tịch Hội đồng KTKL thay mặt Hội đồng KTKL ký ban hành các văn bản quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này. Phó Chủ tịch HĐKTKL ký thay Chủ tịch HĐKTKL khi được Chủ tịch HĐKTKL ủy quyền;

e) Chủ nhiệm có thể ủy quyền cho Ủy viên Ban Chủ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng KTKL, người đứng đầu đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư ký thừa ủy quyền một số văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ nhiệm liên quan đến nhiệm vụ của người được ủy quyền.

g) Chủ nhiệm có thể giao cho Chánh Văn phòng hoặc người đứng đầu đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư ký thừa lệnh một số loại văn bản của Đoàn luật sư để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính thường xuyên của Văn phòng Đoàn Luật sư hoặc các đơn vị chuyên môn.

4. Văn bản của Đoàn Luật sư được phát hành qua Văn phòng Đoàn Luật sư và vào sổ, lưu trữ tại Văn phòng Đoàn Luật sư.

Điều 33. Quản lý và sử dụng con dấu

1. Con dấu Đoàn Luật sư thể hiện vị trí pháp lý của Đoàn Luật sư và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản của Đoàn Luật sư.

2. Con dấu được giữ và bảo quản tại trụ sở Đoàn Luật sư. Trường hợp cần thiết phải đem con dấu ra bên ngoài trụ sở Đoàn Luật sư phải được sự đồng ý để giải quyết công việc của người có trách nhiệm quản lý con dấu.

3. Chỉ những văn bản của Đoàn Luật sư được ký ban hành theo đúng quy định tại Điều 32 của Nội quy này mới được đóng dấu Đoàn Luật sư.

4. Căn cứ quy định pháp luật có liên quan và Nội quy này, Ban Chủ nhiệm ban hành quy chế quản lý và sử dụng con dấu Đoàn Luật sư.

Điều 34. Chế độ thông tin

1. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư là người chịu trách nhiệm về việc phổ biến thông tin, văn bản về tổ chức, hoạt động của Đoàn Luật sư. Chỉ có Chủ nhiệm hoặc người được Chủ nhiệm ủy quyền mới có quyền phát ngôn nhân danh Đoàn Luật sư.

2. Thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng KTKL, cá nhân khác được phân công, bổ nhiệm giữ các chức danh trong đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư có trách nhiệm bảo quản và không tự ý công bố, phát tán các thông tin, tài liệu về tổ chức, hoạt động của Đoàn Luật sư.

3. Thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng KTKL, cá nhân khác được phân công, bổ nhiệm giữ các chức danh trong đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư khi phát biểu về bất kỳ vấn đề nào ngoài phạm vi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình chỉ dùng danh nghĩa cá nhân, không gắn với chức danh được bầu hoặc được bổ nhiệm.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 35. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Đảm bảo tự chủ về tài chính, tự trang trải bằng nguồn thu chủ yếu từ phí thành viên và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Liên đoàn, Nội quy này và các quy chế, quy định có liên quan của Đoàn Luật sư.

3. Đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư.

4. Thực hiện công khai, minh bạch.

5. Đúng mục đích, đúng định mức, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đạt hiệu quả cao.

Điều 36. Các khoản thu của Đoàn Luật sư

1. Nguồn thu chủ yếu, thường xuyên gồm có:

- a) Phí thành viên;
- b) Phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư;
- c) Phí gia nhập Đoàn Luật sư.

2. Nguồn thu không thường xuyên gồm có:

- a) Các khoản đóng góp tự nguyện của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;
- b) Các khoản thu từ hoạt động của Đoàn Luật sư;
- c) Các khoản thu hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- d) Các khoản tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;

e) Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 37. Các khoản chi của Đoàn Luật sư

1. Chi các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn Luật sư.
2. Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương, khen thưởng, phúc lợi tập thể cho người lao động làm việc tại Văn phòng Đoàn Luật sư.
3. Chi hoạt động thường xuyên của Văn phòng Đoàn Luật sư, gồm có:
 - a) Chi dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh môi trường...);
 - b) Chi vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng...);
 - c) Chi thông tin, liên lạc (điện thoại, bưu chính, báo chí...);
 - d) Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.
 - đ) Chi phụ cấp cho các thành viên Ban Chủ nhiệm.
4. Chi xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị làm việc; chi bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị.
5. Chi tổ chức đại hội, hội nghị, hội thảo...
6. Chi công tác phí, chi phí giao dịch, tiếp khách.
7. Chi công tác khen thưởng, chi ngày lễ tết, việc hiếu, hỷ, chi hỗ trợ, thăm hỏi ốm đau, chi hoạt động kỷ niệm, chúc mừng.
8. Chi hỗ trợ các hoạt động đoàn thể quần chúng của Đoàn Luật sư.
9. Các khoản chi hợp lý khác.

Điều 38. Phân bổ các nguồn thu và chi của Đoàn Luật sư

1. Việc quyết định các khoản chi phải trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn thu tương ứng với nhu cầu chi của Đoàn Luật sư.
2. Đối với nguồn thu chủ yếu, thường xuyên (phí thành viên, phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư, phí gia nhập Đoàn Luật sư): Thực hiện phân bổ chi cho các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn Luật sư, hoạt động thường xuyên của Văn phòng Đoàn Luật sư và các khoản chi khác quy định tại Nội quy này.
3. Đối với nguồn thu từ các hoạt động của Đoàn Luật sư: Thực hiện phân bổ chi trực tiếp cho các hoạt động có nguồn thu theo nguyên tắc lấy thu bù chi, chênh lệch thiếu được bù đắp từ nguồn thu thường xuyên.

4. Đối với nguồn thu các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: Thực hiện phân bổ chi theo đúng mục đích và dự toán được phê duyệt theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Đối với nguồn thu từ các khoản đóng góp tự nguyện của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước: Thực hiện phân bổ chi trực tiếp theo đúng mục đích của các hoạt động do Đoàn Luật sư tổ chức được đóng góp, tài trợ. Chênh lệch thiếu được bù đắp từ nguồn thu thường xuyên.

Điều 39. Định mức, trình tự, thủ tục thu chi của Đoàn Luật sư

1. Định mức các khoản chi của Đoàn Luật sư được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có) và được quy định cụ thể trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

2. Các khoản thu, chi có tính chất thường xuyên cho hoạt động của Đoàn Luật sư được thực hiện trên cơ sở kế hoạch tài chính hàng năm của Đoàn Luật sư. Các khoản thu, chi không thường xuyên phát sinh trong năm được thực hiện theo dự toán được duyệt theo từng lần khi phát sinh. Các khoản thu, chi phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Cấp có thẩm quyền duyệt chi của Đoàn Luật sư gồm có: Ban Chủ nhiệm và Chủ nhiệm. Thẩm quyền duyệt chi của từng cấp được quy định cụ thể trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

4. Hàng năm, Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm lập và công khai báo cáo tài chính của Đoàn Luật sư tại Hội nghị luật sư.

5. Các vấn đề cụ thể về việc quản lý tài chính của Đoàn Luật sư được quy định trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

Điều 40. Quản lý, sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư

1. Tài sản quy định trong Nội quy này được hiểu là tài sản do Nhà nước giao cho Đoàn Luật sư quản lý sử dụng, do đầu tư xây dựng, mua sắm từ các nguồn thu của Đoàn Luật sư, do Đoàn Luật sư đi thuê, hoặc do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, đóng góp... bao gồm:

a) Trụ sở Đoàn Luật sư, gồm nhà làm việc và các công trình phụ trợ, hệ thống kỹ thuật hạ tầng;

- b) Trang thiết bị làm việc và phục vụ hoạt động tại trụ sở Đoàn Luật sư;
- c) Các tài sản vật chất vô hình mà việc sử dụng phải chi trả bằng tiền như: điện, nước, điện thoại, internet ...

2. Tài sản được quản lý thống nhất, có sự phân công trách nhiệm giữa đơn vị chịu trách nhiệm quản trị chung là Văn phòng Đoàn Luật sư với các đơn vị, cá nhân được giao trực tiếp sử dụng tài sản.

3. Tài sản được đầu tư, trang bị, sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm; được bảo dưỡng, sửa chữa và bảo vệ theo chế độ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Việc xác định giá trị tài sản trong các quan hệ mua, bán, thanh lý được thực hiện theo cơ chế thị trường và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Các vấn đề cụ thể về việc quản lý, sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư được quy định trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

Điều 41. Phí gia nhập Đoàn Luật sư và phí thành viên

1. Khi gia nhập Đoàn Luật sư, người được gia nhập Đoàn Luật sư nộp một khoản phí gia nhập cho Đoàn Luật sư. Mức phí gia nhập; các trường hợp được miễn giảm phí gia nhập Đoàn luật sư do Đại hội hoặc Hội nghị luật sư quyết định căn cứ khung phí do Liên đoàn luật sư toàn quốc quy định.

2. Luật sư thành viên nộp phí thành viên cho Đoàn Luật sư. Mức phí thành viên và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Luật sư toàn quốc.

3. Phí thành viên được tính kể từ ngày Đoàn Luật sư có quyết định gia nhập Đoàn Luật sư. Phí thành viên được nộp hàng tháng hoặc hàng quý, có thể nộp trước nhiều tháng, nhiều quý trong năm hoặc cả năm. Trong mọi trường hợp, thời hạn nộp phí thành viên của mỗi quý chậm nhất là ngày cuối cùng của quý (31/3, 30/6, 30/9, 31/12).

4. Phí gia nhập và phí thành viên được nộp bằng tiền mặt, chuyển khoản qua ngân hàng hoặc phương thức khác theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

5. Luật sư thành viên không nộp phí thành viên trong thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều này thì bị xem là chậm nộp phí thành viên. Luật sư thành viên chậm nộp phí thành viên sẽ bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 của Điều lệ Liên đoàn và Nội quy này.

Điều 42. Phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư

1. Khi đăng ký tập sự hành nghề luật sư, người tập sự nộp một khoản phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư cho Đoàn Luật sư. Mức phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư do Đại hội hoặc Hội nghị luật sư quyết định. Căn cứ khung phí do Hội đồng luật sư toàn quốc quy định..

2. Ban Chủ nhiệm quy định phương thức nộp phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Mục 1. KHEN THƯỞNG

Điều 43. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng

1. Đoàn Luật sư khen thưởng bằng hình thức Giấy khen của Đoàn Luật sư cho các tổ chức, tập thể, cá nhân sau đây;

a) Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có thành tích trong hoạt động hành nghề luật sư, có nhiều đóng góp trong hoạt động của Đoàn Luật sư;

b) Đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư, người tập sự hành nghề luật sư có nhiều đóng góp trong hoạt động của Đoàn Luật sư.

2. Việc khen thưởng được thực hiện định kỳ (hàng năm, theo nhiệm kỳ của Đoàn Luật sư) hoặc đột xuất tại thời điểm bất kỳ trong năm.

Điều 44. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Đoàn luật sư khen thưởng gồm có:

a) Tờ trình đề nghị xét khen thưởng;

b) Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

c) Các tài liệu có liên quan (nếu có).

2. Các văn bản quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều này do Hội đồng Khen thưởng của Đoàn luật sư đề nghị xét khen thưởng hoặc tổ chức, tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng lập.

3. Hồ sơ đề nghị Đoàn Luật sư khen thưởng hàng năm được nộp chậm nhất ngày 30/11 hàng năm.

Điều 45. Quy trình xét khen thưởng

1. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng, Hội đồng KTKL tổ chức xem xét, đánh giá, biểu quyết thông qua và đề xuất Ban chủ nhiệm quyết định khen thưởng.

2. Căn cứ đề xuất của Hội đồng KTKL, Ban chủ nhiệm xem xét, quyết định khen thưởng.

Điều 46. Kinh phí khen thưởng

1. Kinh phí cho công tác khen thưởng là một trong các khoản chi của Đoàn Luật sư theo kế hoạch tài chính hàng năm. Việc thực hiện chi kinh phí cho công tác khen thưởng được thực hiện theo quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn luật sư do Ban chủ nhiệm ban hành.

2. Mức thưởng cụ thể bằng tiền kèm theo hình thức khen thưởng của Đoàn Luật sư được thực hiện theo quyết định của Ban Chủ nhiệm căn cứ các quy định có liên quan.

Điều 47. Đề nghị Liên đoàn, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khen thưởng

Đoàn Luật sư đề nghị Liên đoàn, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, tập thể, cá nhân tại Khoản 1 Điều 43 của Nội quy này. Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng thực hiện theo pháp luật về thi đua, khen thưởng, Điều lệ Liên đoàn, quy định có liên quan của Liên đoàn và Nội quy này.

Mục 2. KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 48. Kỷ luật với Luật sư thành viên, người tập sự

1. Đoàn Luật sư xem xét xử lý kỷ luật đối với Luật sư thành viên, người tập sự của Đoàn Luật sư vi phạm quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử, Nội quy này, các quy định khác của Liên đoàn, Đoàn Luật sư bằng các hình thức kỷ luật quy định tại pháp luật về luật sư và Điều lệ Liên đoàn.

2. Việc xử lý kỷ luật đối với Luật sư thành viên, người tập sự được thực hiện theo quy định xử lý kỷ Luật Luật sư, người tập sự do Liên đoàn ban hành, Nội quy này và các quy định khác của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

3. Trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật luật sư, người tập sự, Đoàn Luật sư có thể quyết định việc lưu ý, nhắc nhở bằng văn bản đối với Luật sư thành

viên, người tập sự có vi phạm nhưng chưa đến mức độ áp dụng hình thức kỷ luật.

Điều 49. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Đoàn Luật sư tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Luật sư thành viên, người tập sự, tổ chức hành nghề luật sư, cá nhân giữ các chức danh trong các cơ quan, đơn vị chuyên môn của Đoàn Luật sư trong phạm vi thẩm quyền và theo thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo được quy định của Liên đoàn và Nội quy này.

2. Đoàn Luật sư không thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi của người bị khiếu nại, tố cáo không liên quan đến các hoạt động của Đoàn Luật sư, hoạt động hành nghề luật sư hoặc hoạt động tập sự hành nghề luật sư.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung Nội quy

Đại hội luật sư có quyền sửa đổi, bổ sung Nội quy này.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Nội quy này được thông qua khi có trên một phần hai (1/2) số đại biểu có mặt tại Đại hội luật sư biểu quyết tán thành.

Điều 51. Hiệu lực thi hành

1. Nội quy này gồm 07 chương 51 điều đã được Đại hội toàn thể luật sư của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được phê duyệt.

2. Trường hợp có sự thay đổi của pháp luật hoặc Điều lệ Liên đoàn làm cho Nội quy này trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Liên đoàn thì phải tiến hành sửa đổi Nội quy cho phù hợp. Trong thời gian chưa sửa đổi Nội quy thì đương nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Liên đoàn.

3. Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nội quy này./.



Luật sư Đỗ Thanh Bình